TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị VTH; nơi ĐKHKTT: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 51, đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh TTQ; nơi ĐKHKTT: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội F Trại giam G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị VTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị VTH và anh TTQ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997, nhưng đến ngày 08 tháng 3 năm 2002 mới đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân B, quận C, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc và có hai con chung. Đến đầu năm 2010, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống và vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế từ năm 2010. Năm 2022, anh TTQ vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện, anh TTQ đang chấp hành án tại Đội F Trại giam G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do vợ chồng không còn tình cảm nên chị VTH không thăm hỏi, quan tâm anh TTQ. Nay, chị VTH xác nhận vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị VTH đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TTQ để ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con chung: Chị VTH và anh TTQ có hai con chung là I, sinh năm 1997 và J, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2008. Ly hôn, chị VTH đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con J cho đến khi con trưởng thành; việc cấp dưỡng nuôi con chị VTH và anh TTQ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Con I đã trưởng thành nên chị VTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị VTH và anh TTQ tự thỏa thuận, chị VTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác : Chị VTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết .

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh TTQ gửi bản tự khai có xác nhận của Trại Trại giam G thể hiện quan điểm:

Anh TTQ thống nhất về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, các con chung như chị VTH trình bày là đúng. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2010, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Năm 2022, anh TTQ vi phạm pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam G. Từ khi anh TTQ bị bắt giam và đi chấp hành án, chị VTH không quan tâm, không đến thăm. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh TTQ đồng ý ly hôn với chị VTH.

Về việc nuôi con, anh TTQ đề nghị để chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng con J cho đến khi con trưởng thành; bởi vì từ khi vợ chồng ly thân các con do chị VTH chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác anh TTQ đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; việc cấp dưỡng nuôi con Quỳnh Anh, anh TTQ và chị VTH tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung I đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết về con I.

Về việc chia tài sản: Anh TTQ và chị VTH tự thỏa thuận, anh TTQ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về các vấn đề khác : Anh TTQ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết .

Tài liệu Tòa án xác minh thu thập tại gia đình hai bên, thể hiện:

Trong cuộc sống chung của vợ chồng chị VTH và anh TTQ có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống , tính cách không hòa hợp. Từ khoảng đầu năm 2010, anh chị đã sống ly thân. Năm 2022, anh TTQ vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam G. Nay, chị VTH có đơn đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh TTQ, đề nghị Tòa án giải quyết v ụ án Theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, c*hị VTH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện . Anh TTQ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên có ý kiến, quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; và việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Chị VTH được ly hôn anh TTQ. Về việc nuôi con: Giao con chung J, sinh ngày 07/02/2008 cho chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung I đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Do anh chị tự thỏa thuận, đều không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác : Chị VTH không yêu cầu Tòa án giải q uyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết . Nguyên đơn chị VTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTH và anh TTQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị VTH và anh TTQ qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2010, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa chị VTH và anh TTQ phát sinh, kéo dài do hai bên không bất đồng trong quan điểm lối sống, không có tiếng nói chung. Năm 2022, anh TTQ vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Đội F Trại giam G, tỉnh Thanh Hoá. Chị VTH biết nhưng không thăm hỏi, không quan tâm anh TTQ. Nay chị VTH kiên quyết xin ly hôn anh TTQ vì không còn tình cảm. Anh TTQ đồng ý ly hôn nhưng hiện đang chấp hành án nên không thể đến Tòa án để giải quyết. Xét mục đích của hôn nhân là vợ chồng phải quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị VTH và anh TTQ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị VTH có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị VTH và anh TTQ có hai con chung là I, sinh năm 1997 và J, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2008. Ly hôn, chị VTH và anh TTQ thống nhất chị VTH là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung J cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, sau đó anh TTQ đi chấp hành án tại Trại giam G cho đến nay, các con chung đều ở cùng với chị VTH ổn định; hiện tại anh TTQ đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi dưỡng con. Vì vậy, cần giao con chung J cho chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị VTH và anh TTQ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con chung I đã trưởng thành, chị VTH và anh TTQ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về việc chia tài sản: Chị VTH và anh TTQ tự thỏa thuận về việc chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về các vấn đề khác : Chị VTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết .

[7] Về án phí: Chị VTH phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị VTH được ly hôn anh TTQ.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung J, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2008 cho chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị VTH và anh TTQ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con I, sinh năm 1997 đã trưởng thành, chị VTH và anh TTQ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về việc chia tài sản: Chị VTH và anh TTQ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về các vấn đề khác: Chị VTH và anh TTQ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị VTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002513 ngày 02 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị VTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn có quy ền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- UBND P. B, C, Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến